

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm căn cứ xây dựng giá các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ hoạt động chuyên môn quý 1 năm 2026 tại đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An

2. Thông tin liên hệ của người tiếp nhận báo giá

DS. Trần Nữ Trà My, khoa Dược – Vật tư Y tế

Điện thoại: 097 112 4104

3. Cách thức, địa chỉ nhận báo giá:

Gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ có chữ kí, đóng dấu xác nhận của đơn vị về địa chỉ: Khoa Dược – Vật tư Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Lưu ý: Hồ sơ báo giá được niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung “Báo giá các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế quý 1 năm 2026”.

4. Thời hạn nhận báo giá: Từ ngày 22/12/2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 31/12/2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

6. Thư mời được đăng tải công khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có địa chỉ: <https://cdenghean.vn>

Bên báo giá đồng ý cho bên mời báo giá được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các thư báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa báo giá (chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm).

2. Mẫu để các đơn vị cung cấp báo giá (chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm).

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống đấu thầu quốc gia;
- Ban GĐTT (để biết);
- Website CDC;
- Lưu: VT, tổ MSHCVT. 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Du



Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa báo giá

(Kèm theo Thư mời số 1756 /TM-KSBT ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
1	Giấy lọc định lượng không tro	1	Hộp	Đường kính: 110mm, cỡ lỗ 8-12 um	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 tờ/ hộp	
2	Giấy lọc định lượng	2	Hộp	Chất liệu: Cellulose Đường kính giấy lọc: 11cm Kích thước lỗ lọc: 2-3 μ m Quy cách: 100 cái/hộp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 cái/ hộp	
3	Natri carbonat Na ₂ CO ₃	1	Lọ	Độ tinh khiết: $\geq 99.99\%$ Khối lượng mol: 105.99 g/mol Dạng: rắn, màu trắng Mật độ: 2,53 g/cm ³ (20 °C) Điểm nóng chảy: 854 °C Giá trị pH: 11,16 (4 g/l, H ₂ O, 25 °C) Mật độ lớn: 1100 kg/m ³ Nhiệt độ bảo quản: 5-30°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 kg/ lọ	
4	Pipet pasteur	500	Cái	Ống hút pasteur 3ml, tiệt trùng từng cái. dài 160mm, tổng dung tích 7.5ml, chia vạch tới 3ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500 cái/ hộp	
5	Gel bôi trơn	46	Tuýp	Thành phần gồm: Chlorhexidine, Degluconate and Methyl Hydroxybenzoate. Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo đã được	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh,	82 gam/ tuýp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				tiệt trùng.	tỉnh Nghệ An		
6	Môi trường thạch MYP(Mannitol egg yolk polymyxin) agar (base)		1 Hộp	Thành phần: Meat extract 1 g/l Enzymatic digest of 10 g/l D-Mannitol 10 g/l NaCl 10g/l Phenol red 0.025 g/l Agar-agar 12 g/l Độ hòa tan: 43 g/l Giá trị pH: 7.0 - 7.4 (43 g/l, H ₂ O, 25 °C)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500 g/ hộp	
7	Môi trường thioglylat		1 Hộp	Thành phần: Peptone from Casein 15 g/l Yeast Extract 5 g/l D(+)-Glucose 5.5 g/l L-Cystine 0.5 g/l NaCl 2.5 g/l Sodium Thioglycollate 0.5 g/l Giá trị pH: 6.9 - 7.3 (29 g/l, H ₂ O, 37 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C. Độ hòa tan: 29 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500 g/ hộp	
8	Môi trường nuôi cấy Enterobacteriaceae (VRBD (Violet Red Bile Dextrose) agar		1 Hộp	Thành phần: Pancreatic Digest of Gelatin (Enzymatic Digest of Animal Tissues) 7g/l, Yeast Extract 3g/l , Bile Salts 1.5 g/l, NaCl 5g/l , Glucose Monohydrate 10g/l , Neutral Red 0.03g/l, Crystal Violet 0.03g/l, Agar 15g/l Giá trị pH: 7.3 (40 g/l, H ₂ O, 37 °C) Độ hòa tan: 40 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500 g/ hộp	
9	Môi trường thạch mật Aesculin-Azid(Bile Aesculin Azide Agar)		1 Hộp	Thành phần: Peptone from Casein 17g/l Peptone 3 g/l Yeast Extract 5,0 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh,	500 g/ hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Sodium Chloride 5,0g/l Aesculin 1,0g/l Ammonium Iron (III) citrate 0,5g/l Ox bile 10,0g/l Sodium azide 0,15g/l Agar-agar 13 g/l Giá trị pH: 6.9 - 7.3 (54.85 g/l, H ₂ O, 25 °C) Độ hòa tan: 54.85 g/l	tỉnh Nghệ An		
10	Môi trường chọn lọc phát hiện vi sinh vật coliform lên men lactose(VRB (Violet Red Bile Lactose) agar	1	Hộp	-Thành phần cho 1 lít môi trường: Dịch thủy phân mô động vật bằng enzym 7g, cao men 3g, lactose 10g, NaCl 5g, muối mật 1,5g, đỏ trung tính 0,03g, tím tinh thể 0,002g, thạch 12-18g - pH :7,4±0,2 ở 250C - Độ hòa tan: 39,5 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500 g/ hộp	
11	Môi trường tryptose Sulfite Cycloserine(TSC)	1	Hộp	Thành phần: Peptone including enzymatic digest of casein 15g/l Enzymatic digest of soya 5 g/l Yeast Extract 5 g/l Sodium disulfite (sodium metabisulfite), anhydrous 1.0 g/l Iron(III) ammoniumcitrate 1 g/l Agar- agar 12g/l Độ hòa tan: 42 g/l Giá trị pH: 7.4 - 7.8 (H ₂ O, 25 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500 g/ hộp	
12	Axit nitric HNO ₃	3	Chai	Độ tinh khiết: ≥ 65.0 % Tỉ trọng: 1.39 g/cm ³ (20 °C) Điểm sôi: 121 °C (1013 hPa) Màu sắc: ≤ 10 Hazen Chloride (Cl) ≤ 0.2 ppm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 lit/ chai	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Phosphate (PO ₄) ≤ 0.2 ppm Giá trị pH: <1 (H ₂ O, 20 °C) axit mạnh Bảo quản: +2°C đến +30°C.			
13	Axit nitric HNO ₃	5	Chai	Nitric acid 53-55% CAS No. : 7697-37-4 Molecular weight : 63.01 Molecular formula : HNO ₃	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/ chai	
14	Dichlormethan CH ₂ Cl ₂	5	Chai	Độ tinh khiết: >99,8% Khối lượng phân tử: 84.93 g/mol Dạng lỏng không màu, dễ bay hơi Khối lượng riêng: 1.33 g/cm ³ (20 °C) Nhiệt độ nóng chảy: -95 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/ chai	
15	Hộp mực Dionex EGC 500	1	Bộ	-Hộp mực Dionex EGC 500 tương thích với thiết bị sắc ký ion kép Model: Dionex Aquion. -Kích thước hộp mực (cao x đường kính): 25.4 × 10.8 cm (10 × 4.25 in) -Trọng lượng hộp mực: 1.4 kg (3.0 lb) -Phạm vi nồng độ: 0.1–100 mM -Tốc độ dòng chảy: 0.10–3.00 mL/min -Áp suất vận hành tối đa: 34.5 MPa (5000 psi) -Nồng độ dung môi tối đa: Dionex EGC 500 KOH–25% methanol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Bộ	
16	Dung dịch chuẩn VOCs 59 thành phần nồng độ 2000ug/mL trong methanol	1	Lọ	Dùng trong phân tích VOC Standard Solution 59 components; 2000ug/ml each of Bromochloromethane [CAS:74-97-5] ; Bromodichloromethane [CAS:75-27-4] ; Tribromomethane (Bromoform) [CAS:75-25-2] ; Tetrachloromethane (Carbon tetrachloride) [CAS:56-23-5] ; Chloroform [CAS:67-66-3] ; Dibromochloromethane	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1ml/lọ	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				[CAS:124-48-1] ; Dibromomethane [CAS:74-95-3] ; Dichloromethane (Methylene chloride) [CAS:75-09-2] ; 1,2-Dibromoethane [CAS:106-93-4] ; 1,1-Dichloroethane [CAS:75-34-3] ; 1,2-Dichloroethane [CAS:107-06-2] ; 1,1-Dichloroethene [CAS:75-35-4] ; cis-1,2-Dichloroethene [CAS:156-59-2] ; trans-1,2-Dichloroethene [CAS:156-60-5] ; 1,1,1,2-Tetrachloroethane [CAS:630-20-6] ; 1,1,2,2-Tetrachloroethane [CAS:79-34-5] ; Tetrachloroethene [CAS:127-18-4] ; 1,1,1-Trichloroethane [CAS:71-55-6] ; 1,1,2-Trichloroethane [CAS:79-00-5] ; Trichloroethene [CAS:79-01-6] ; 1,2-Dibromo-3-chloropropane [CAS:96-12-8] ; 1,2-Dichloropropane [CAS:78-87-5] ; 1,3-Dichloropropane [CAS:142-28-9] ; 2,2-Dichloropropane [CAS:594-20-7] ; 1,1-Dichloropropene [CAS:563-58-6] ; cis-1,3-Dichloropropene [CAS:10061-01-5] ; trans-1,3-Dichloropropene [CAS:10061-02-6] ; Hexachloro-1,3-butadiene (Hexachlorobutadiene) [CAS:87-68-3] ; 1,2,3-Trichloropropane [CAS:96-18-4] ; Benzene [CAS:71-43-2] ; n-Butylbenzene [CAS:104-51-8] ; sec-Butylbenzene [CAS:135-98-8] ; tert-Butylbenzene [CAS:98-06-6] ; Ethylbenzene [CAS:100-41-4] ; Isopropylbenzene [CAS:98-82-8] ; 4-Isopropyltoluene [CAS:99-87-6] ; Naphthalene [CAS:91-20-3] ; n-Propylbenzene [CAS:103-65-1] ; Styrene [CAS:100-42-5] ;			

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Toluene [CAS:108-88-3] ; 1,2,4-Trimethylbenzene [CAS:95-63-6] ; 1,3,5-Trimethylbenzene [CAS:108-67-8] ; o-Xylene [CAS:95-47-6] ; m-Xylene [CAS:108-38-3] ; p-Xylene [CAS:106-42-3] ; Bromobenzene [CAS:108-86-1] ; Chlorobenzene [CAS:108-90-7] ; 2-Chlorotoluene [CAS:95-49-8] ; 4-Chlorotoluene [CAS:106-43-4] ; 1,2-Dichlorobenzene [CAS:95-50-1] ; 1,3-Dichlorobenzene [CAS:541-73-1] ; 1,4-Dichlorobenzene [CAS:106-46-7] ; 1,2,3-Trichlorobenzene [CAS:87-61-6] ; 1,2,4-Trichlorobenzene [CAS:120-82-1] ; Chloroethane [CAS:75-00-3] ; Chloromethane [CAS:74-87-3] ; Dichlorodifluoromethane [CAS:75-71-8] ; Fluorotrichloromethane (Trichlorofluoromethane) [CAS:75-69-4] ; Vinylchloride [CAS:75-01-4] in Methanol			
17	2,4,6-Trichlorophenol 5000 µg/mL in Methanol	1	Lọ	- Dùng trong phân tích - Công thức: C ₆ H ₃ Cl ₃ O - Cas: 88-06-2 - Nồng độ: 1000 µg/mL - Khối lượng mol: 197.45 g/mol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1ml/lọ	
18	Đầu côn có vạch	960	Cái/ Tip	- Thể tích tối đa 1000 µL - Đầu lọc, loại thông dụng và phù hợp với hầu hết các nhãn hiệu pipet phổ biến - Không RNase, DNase và Pyrogen. - Màng lọc làm bằng polyetylen mật độ cao và trơ - Chất liệu: Propylen trong suốt có chia vạch - Đầu tip đã được tiệt trùng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	96 tip/ hộp, 10 hộp/ gói	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				-96 tip/ hộp, 10 hộp/ gói			
19	Bộ lõi lọc 1 2 3 dành cho máy lọc nước	1	Set	- Lõi số 1 (PP 5 micron) - Lõi số 2 (Than hoạt tính GAC/OCB) - Lõi số 3 (PP 1 micron) - Kích thước phổ biến: 10 inch - Áp suất sử dụng tối đa: Khoảng 5 bar.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Set 3 lõi	
20	Bộ lọc cuối cùng	1	Bộ	-Bộ lọc cuối cùng vô trùng Sartopore® 2 150, kích thước lỗ: 0,45 µm-0,2 µm. -Bộ lọc tương thích với máy lọc nước khử ion Model: H2Opro-UV-T-TOC	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/ bộ	
21	Giấy lọc định lượng	2	Hộp	Chất liệu: Cellulose Đường kính giấy lọc: 15cm Kích thước lỗ lọc: 2-3 µm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 cái/ hộp	
22	Thạch máu đổ đĩa (Nalidixic acid (BANg))	6	Hộp	Lọc staphylococcus và streptococcus. Phân biệt các kiểu hình tiêu huyết(α, β, γ). Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm đường hô hấp, quệt hầu họng, mủ-dịch tiết	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	10 đĩa/ hộp	
Tổng cộng 22 mặt hàng							

NGHỆ
AN

Phụ lục 2: Mẫu báo giá